

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khoá thi: 04/06/2025

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
1	430001	1	NGUYỄN NGỌC DĨ AN	Nữ	22/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			2.75	1.75	3.25	
2	430002	1	NGUYỄN TRẦN BÌNH AN	Nam	12/03/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			3.25	5.00	4.00	
3	430003	1	NGUYỄN HOÀI ANH	Nam	15/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			5.00	5.25	3.75	
4	430004	1	ĐẶNG HOÀNG BẢO ANH	Nam	07/12/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	6.25	4.50	
5	430005	1	NGUYỄN HOÀNG MỸ ANH	Nữ	01/05/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	4.75	5.75	
6	430006	1	ĐẶNG LAN ANH	Nữ	17/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			6.00	0.50	4.50	
7	430007	1	NGUYỄN MINH ANH	Nam	06/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			2.50	1.50	3.50	
8	430008	1	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	29/03/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			7.50	8.50	6.75	
9	430009	1	TRẦN NGUYỄN THỊ KỲ ANH	Nữ	01/11/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	7.50	6.25	
10	430010	1	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	04/02/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	3.50	5.25	
11	430011	1	NGUYỄN CAO THÁI BẢO	Nam	30/01/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	4.50	4.25	
12	430012	1	MẠCH DUY HOÀI BẢO	Nam	22/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			5.25	6.75	5.50	
13	430013	1	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	27/03/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	6.00	6.00	
14	430014	1	TRỊNH GIA BẢO	Nam	29/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			0.50	0.50	1.25	
15	430015	1	LÊ HOÀI BẢO	Nam	22/07/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			4.00	3.75	5.50	
16	430016	1	HUYỀNH NGUYỄN BẢO	Nam	01/06/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	1.50	5.00	
17	430017	1	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	28/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			5.25	4.75	5.25	
18	430018	1	PHẠM THÁI BẢO	Nam	05/10/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	7.25	7.50	
19	430019	1	LÊ DIỆP KHÁNH BẢNG	Nữ	27/10/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	5.00	5.00	
20	430020	1	NGUYỄN PHẠM KHÁNH BẢNG	Nữ	20/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			5.75	5.50	4.50	
21	430021	1	NGÔ THANH BÌNH	Nam	11/02/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	6.00	4.25	
22	430022	1	HOÀNG TRẦN QUỐC BÌNH	Nam	07/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			4.75	5.50	7.25	
23	430023	1	LÊ THỊ THU CẨM	Nữ	20/09/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			4.00	1.25	3.75	
24	430024	1	LÊ THỊ YẾN CHI	Nữ	27/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			5.25	4.50	3.75	
25	430025	2	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	Nam	24/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			6.50	6.00	4.25	
26	430026	2	TRẦN HỮU CHÍ	Nam	26/07/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	4.75	5.00	
27	430027	2	ĐẶNG QUỐC CÔNG	Nam	04/09/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	3.00	6.25	
28	430028	2	NGUYỄN PHẠM DUY CƯỜNG	Nam	15/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			6.50	6.75	5.75	
29	430029	2	NGUYỄN THỊ VŨ CƯỜNG	Nữ	02/09/2009						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			1.00	0.50	3.25	
30	430030	2	PHAN HUY CƯỜNG	Nam	16/08/2010						Hoài An	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	6.50	5.75	
31	430031	2	ĐỖ CÔNG DANH	Nam	25/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			3.00	0.25	3.75	
32	430032	2	NGUYỄN ANH DÂN	Nam	21/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài An			5.75	4.50	5.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
33	430033	2	HUỶNH CÔNG	DIỆN	Nam	11/11/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	2.25	5.00	
34	430034	2	LÊ HỒ THANH	DIỆU	Nữ	05/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	6.75	4.00	
35	430035	2	PHAN THÙY THÚY	DIỄM	Nữ	26/03/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	5.25	6.25	
36	430036	2	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	Nữ	04/02/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	2.25	3.25	
37	430037	2	NGUYỄN LÊ	DUY	Nam	06/02/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	8.25	9.25	
38	430038	2	HUỶNH NHẤT	DUY	Nam	07/03/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	1.25	4.25	
39	430039	2	ĐOÀN NHẬT	DUY	Nam	06/02/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	2.75	8.00	
40	430040	2	NGUYỄN THÀNH	DUY	Nam	11/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	6.25	6.50	
41	430041	2	NGUYỄN TRẦN ANH	DUY	Nam	10/10/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.00	3.00	4.75	
42	430042	2	NGUYỄN XUÂN	DUY	Nam	27/07/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	1.50	5.25	
43	430043	2	TRẦN CẨM	DUYÊN	Nữ	27/05/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	2.50	5.00	
44	430044	2	NGUYỄN DIỆP TÂM	DUYÊN	Nữ	16/04/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.75	3.75	6.50	
45	430045	2	TRẦN THANH	ĐÀM	Nam	29/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	5.00	5.75	
46	430046	2	GIANG QUỐC	ĐẠI	Nam	18/10/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.50	1.00	7.00	
47	430047	2	TRƯƠNG TẤN	ĐẠT	Nam	05/01/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.25	5.75	7.00	
48	430048	2	BÙI THÀNH	ĐẠT	Nam	14/10/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.50	3.00	5.25	
49	430049	3	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	Nam	18/02/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.50	1.50	3.50	
50	430050	3	TRẦN HOÀNG	ĐỨC	Nam	28/08/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	2.50	4.50	
51	430051	3	TRƯƠNG MINH	ĐỨC	Nam	14/08/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.00	5.75	8.00	
52	430052	3	LÊ BÁ	GIANG	Nam	07/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			0.25	0.25	4.00	
53	430053	3	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	16/03/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	1.25	3.00	
54	430054	3	ĐẶNG NGỌC	HÀ	Nữ	03/09/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.00	6.75	
55	430055	3	TRẦN THỊ MAI	HÀ	Nữ	11/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	5.25	2.75	
56	430056	3	LÊ VĂN	HÀN	Nam	28/12/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	3.50	5.75	
57	430057	3	NGUYỄN XUÂN	HÀO	Nam	13/09/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			0.75	6.50	3.00	
58	430058	3	NGUYỄN THANH	HẢI	Nam	29/03/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.50	6.50	6.00	
59	430059	3	ĐẶNG GIA	HÂN	Nữ	17/03/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	5.75	3.50	
60	430060	3	BÙI THẾ	HÂN	Nam	15/02/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	7.75	6.00	
61	430061	3	NGUYỄN TRẦN BẢO	HÂN	Nữ	14/10/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.50	1.50	5.00	
62	430062	3	VÔ THU	HẰNG	Nữ	07/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	6.75	6.25	
63	430063	3	BÙI CÔNG	HẬU	Nam	29/09/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.75	0.75	4.00	
64	430064	3	PHẠM QUANG	HIỂN	Nam	26/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	4.00	5.75	
65	430065	3	NGUYỄN THỊ THU	HIỂN	Nữ	07/07/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.50	6.50	
66	430066	3	PHÙNG ĐỨC	HIẾU	Nam	06/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	1.75	5.00	
67	430067	3	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	Nam	16/02/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	2.75	3.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
68	430068	3	HUỲNH CÔNG HIỆP	Nam	04/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.50	8.00	8.50	
69	430069	3	PHAN CÔNG HIỆU	Nam	24/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	6.50	5.00	
70	430070	3	LÊ NGỌC QUỲNH	Nữ	28/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	6.50	7.00	
71	430071	3	ĐẶNG THỊ HOÀI	Nữ	21/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.00	4.50	3.50	
72	430072	3	HUỲNH TRƯỞNG HOÀI	Nam	08/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.75	1.75	3.00	
73	430073	4	BÙI HUY HOÀNG	Nam	22/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	1.50	2.50	
74	430074	4	VÕ THANH HOÀNG	Nam	28/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.00	4.00	4.25	
75	430075	4	ĐINH TIỀN HOÀNG	Nam	09/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.00	5.50	3.50	
76	430076	4	NGUYỄN TRƯỞNG BÁ HOÀNG	Nam	22/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	7.00	7.00	
77	430077	4	HUỲNH CÔNG HÒA	Nam	10/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	5.50	4.00	
78	430078	4	VÕ THỊ KIM HỒNG	Nữ	09/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.75	1.50	4.00	
79	430079	4	TRẦN GIA HUY	Nam	18/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	7.00	4.50	
80	430080	4	TRẦN GIA HUY	Nam	23/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	6.00	9.50	
81	430081	4	TRỊNH GIA HUY	Nam	29/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.25	1.00	3.75	
82	430082	4	NGUYỄN NGỌC HUY	Nam	10/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	3.00	2.75	
83	430083	4	TRẦN NGUYỄN GIA HUY	Nam	08/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	4.75	4.00	
84	430084	4	DƯƠNG NGUYỄN MINH HUY	Nam	23/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	4.00	3.50	
85	430085	4	TĂNG NHẤT HUY	Nam	25/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	6.25	4.50	
86	430086	4	BÙI QUỐC HUY	Nam	26/09/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	8.50	7.00	
87	430087	4	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	17/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.25	0.75	2.00	
88	430088	4	NGUYỄN TRẦN GIA HUY	Nam	06/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.75	6.50	6.00	
89	430089	4	NGUYỄN THANH THANH HUYỀN	Nữ	21/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	7.25	6.75	
90	430090	4	LỮ THỊ NHẬT HUYỀN	Nữ	17/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	6.50	6.50	
91	430091	4	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	13/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	5.25	5.25	
92	430092	4	NGUYỄN PHƯỚC HUNG	Nam	13/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	8.00	7.50	
93	430093	4	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	02/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	0.75	3.25	
94	430094	4	ĐẶNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	07/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.75	5.50	6.00	
95	430095	4	HỒ THỊ BÍCH HỮU	Nữ	07/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	6.50	6.25	
96	430096	4	TRƯỞNG HỮU KHA	Nam	04/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	6.50	6.00	
97	430097	5	TRẦN MINH KHA	Nam	30/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.50	5.75	
98	430098	5	TRẦN BẢO KHANG	Nam	04/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	1.25	6.50	
99	430099	5	NGUYỄN BÌNH KHANG	Nam	11/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.25	0.25	4.25	
100	430100	5	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	07/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	5.75	5.25	
101	430101	5	NGUYỄN NGUYỄN KHANG	Nam	24/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.75	1.00	3.25	
102	430102	5	BÙI THÁI KHANG	Nam	27/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	3.25	6.25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
103	430103	5	ĐỖ TRẦN VŨ KHANG	Nam	09/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.75	5.50	
104	430104	5	HOÀNG TRỌNG KHANG	Nam	25/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.00	0.25	3.75	
105	430105	5	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	26/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	0.25	3.50	
106	430106	5	TRẦN NGỌC KHANH	Nam	16/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	7.00	6.25	
107	430107	5	ĐỖ DUY KHOA	Nam	08/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	4.00	8.50	
108	430108	5	LÊ ĐỨC KHÔI	Nam	02/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.00	6.75	7.00	
109	430109	5	NGUYỄN HUY KHÔI	Nam	25/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	4.50	4.25	
110	430110	5	LÊ HUỖNH ANH KHÔI	Nam	17/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	1.75	4.75	
111	430111	5	PHẠM TRẦN KHÔI	Nam	12/05/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	4.50	5.00	
112	430112	5	LÊ NGUYỄN BẢO KHUÊ	Nữ	09/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.25	8.25	9.00	
113	430113	5	BÙI NHẬT KHUÔNG	Nam	05/05/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	8.00	5.75	
114	430114	5	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	Nam	01/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.50	4.75	7.00	
115	430115	5	ĐẶNG TRÍ KIÊN	Nam	09/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	7.00	5.25	
116	430116	5	HỒ OANH KIỂU	Nữ	09/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.25	7.75	7.50	
117	430117	5	NGUYỄN THỊ DIỄM KIỂU	Nữ	18/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	3.00	4.75	
118	430118	5	TRƯƠNG QUỐC KIẾT	Nam	22/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	6.75	6.25	
119	430119	5	NGUYỄN VĂN KIẾT	Nam	18/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.00	2.00	3.75	
120	430120	5	HUỖNH NGỌC NHÃ KỶ	Nữ	17/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	5.00	5.00	
121	430121	6	LÊ NGUYỄN KỶ	Nam	28/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	4.75	2.75	
122	430122	6	NGUYỄN TƯỜNG LAM	Nữ	10/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.75	7.25	6.75	
123	430123	6	MAI THỊ MỸ LỆ	Nữ	01/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	0.75	3.00	
124	430124	6	VÕ THỊ LIÊN	Nữ	01/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.50	0.50	1.75	
125	430125	6	NGUYỄN THỊ NHƯ LIỄU	Nữ	06/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	3.25	5.25	
126	430126	6	NGUYỄN ĐẶNG THỦY LINH	Nữ	17/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	5.25	5.25	
127	430127	6	TRẦN MAI LINH	Nữ	10/09/2009						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	4.00	2.00	
128	430128	6	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	24/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	6.75	7.00	
129	430129	6	LÊ THÁI HOÀNG LINH	Nữ	12/09/2009						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	0.50	2.50	
130	430130	6	HUỖNH THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	20/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	1.00	3.75	
131	430131	6	TRƯƠNG THỊ TRÚC LINH	Nữ	31/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	7.00	5.50	
132	430132	6	ĐÀO THỊ YẾN LINH	Nữ	01/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.00	2.25	3.25	
133	430133	6	ĐẶNG MỸ LỘC	Nữ	25/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	7.50	6.50	
134	430134	6	HOÀNG ANH LUÂN	Nam	23/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	5.75	4.50	
135	430135	6	TRẦN KHÁNH LUÂN	Nam	25/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	2.75	4.50	
136	430136	6	NGUYỄN NHẬT LUÂN	Nam	10/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	7.50	8.00	
137	430137	6	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	29/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.75	2.25	1.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
138	430138	6	TRẦN ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	14/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.00	5.00	5.75	
139	430139	6	NGUYỄN THỊ ÁI LY	Nữ	09/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.25	3.50	4.75	
140	430140	6	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	06/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	5.25	3.75	
141	430141	6	VÕ TRÀ MI	Nữ	29/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	4.25	4.00	
142	430142	6	LẠI HỒNG MINH	Nữ	24/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.50	5.00	5.00	
143	430143	6	LÝ DIỄM MY	Nữ	03/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.50	0.00	2.00	
144	430144	6	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	08/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	6.75	5.50	
145	430145	7	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	08/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	3.75	3.00	
146	430146	7	VÕ HOÀNG DIỄM MY	Nữ	26/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	6.50	5.25	
147	430147	7	LÊ HUỖNH TRÀ MY	Nữ	28/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	7.25	7.25	
148	430148	7	LÊ NGUYỄN HÀ MY	Nữ	13/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	0.00	3.75	
149	430149	7	HUỖNH NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	22/09/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.50	4.75	3.50	
150	430150	7	PHẠM THỊ DIỄM MY	Nữ	31/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.75	2.75	4.00	
151	430151	7	TRƯỜNG THỊ DIỄM MY	Nữ	27/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.50	5.25	4.25	
152	430152	7	TRƯỜNG THỊ TRÀ MY	Nữ	27/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	5.00	5.00	
153	430153	7	VÕ TRƯỜNG TRÀ MY	Nữ	20/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	4.50	4.50	
154	430154	7	SỬ LÊ NA	Nữ	14/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	4.75	3.50	
155	430155	7	TRƯỜNG NGUYỄN CHI NA	Nữ	20/11/2009						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.50	0.50	3.75	
156	430156	7	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	14/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	6.25	3.50	
157	430157	7	HUỖNH NGỌC THÚY NGA	Nữ	20/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	5.50	5.25	
158	430158	7	LÊ THỊ NGA	Nữ	23/12/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.00	5.25	3.75	
159	430159	7	BÙI THỊ HỒNG NGA	Nữ	10/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.25	1.50	4.00	
160	430160	7	PHẠM THÚY NGA	Nữ	28/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	6.50	5.75	
161	430161	7	TRẦN THÚY NGA	Nữ	08/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	4.75	3.50	
162	430162	7	NGUYỄN LINH NGÂN	Nữ	06/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	1.25	3.50	
163	430163	7	LÊ TRẦN KIM NGÂN	Nữ	20/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	1.75	4.50	
164	430164	7	CAO HỮU NGHĨA	Nam	15/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	0.25	2.25	
165	430165	7	TRẦN LONG NGHĨA	Nam	22/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.50	1.25	3.75	
166	430166	7	PHAN BẢO NGỌC	Nữ	30/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	1.00	4.25	
167	430167	7	TRẦN LÊ ANH NGỌC	Nữ	20/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	2.25	4.25	
168	430168	7	NGUYỄN LÊ NHƯ NGỌC	Nữ	26/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	5.00	5.00	
169	430169	8	TRẦN THÚY NGỌC	Nữ	08/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	7.25	6.00	
170	430170	8	TRẦN CAO NGUYÊN	Nam	16/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	1.00	4.00	
171	430171	8	HOÀNG CÔNG NGUYÊN	Nam	22/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.25	5.75	7.25	
172	430172	8	NGUYỄN HỒ NGUYÊN	Nam	17/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	0.25	3.50	



STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th. tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
173	430173	8	HÀ LÊ HẢI NGUYỄN	Nam	20/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	5.25	5.00	
174	430174	8	LƯ PHẠM BẢO NGUYỄN	Nam	19/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.25	0.50	2.25	
175	430175	8	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỄN	Nữ	26/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.00	1.50	3.75	
176	430176	8	TRƯỜNG THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	03/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.25	4.50	5.75	
177	430177	8	LÊ TRẦN NHƯ NGUYỄN	Nữ	20/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	4.50	3.75	
178	430178	8	LÊ THỊ THU NHẬN	Nữ	11/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			0.25	1.00	4.00	
179	430179	8	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG NHÃ	Nữ	26/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.50	5.75	6.00	
180	430180	8	LÊ NGỌC NHÂN	Nam	16/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	4.00	5.00	
181	430181	8	TRẦN THÀNH NHÂN	Nam	15/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.00	8.75	
182	430182	8	VŨ THIÊN NHÂN	Nam	06/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	6.50	6.75	
183	430183	8	NGUYỄN TRÍ NHÂN	Nam	20/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.25	3.50	4.00	
184	430184	8	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH NHÂN	Nam	05/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	6.75	7.00	
185	430185	8	LÊ MINH NHẤT	Nam	11/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.00	1.50	5.25	
186	430186	8	NGUYỄN NHẬT	Nam	09/12/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.50	3.50	
187	430187	8	NGUYỄN NHẬT	Nam	12/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.00	5.25	7.50	
188	430188	8	HUỲNH LÊ NHẬT	Nam	13/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.25	6.75	
189	430189	8	LÊ MINH NHẬT	Nam	14/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	5.75	6.75	
190	430190	8	VŨ MINH NHẬT	Nam	10/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	5.50	3.50	
191	430191	8	ĐÀO XUÂN LONG NHẬT	Nam	17/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.50	7.75	6.50	
192	430192	8	HUỲNH NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	12/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	4.75	6.25	
193	430193	9	NGUYỄN PHÙNG YẾN NHI	Nữ	04/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	6.50	7.00	
194	430194	9	ĐOÀN THỊ YẾN NHI	Nữ	16/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	7.25	8.25	
195	430195	9	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	24/12/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	5.75	5.25	
196	430196	9	PHẠM TUỆ NHI	Nữ	09/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	6.75	5.75	
197	430197	9	LÊ YẾN NHI	Nữ	28/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.50	3.25	4.50	
198	430198	9	TRẦN YẾN NHI	Nữ	11/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	4.00	4.75	
199	430199	9	ĐẶNG THÀNH NHƠN	Nam	05/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	3.75	2.25	
200	430200	9	ĐẶNG THỊ NHỎ	Nữ	21/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	6.25	4.00	
201	430201	9	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	29/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.75	6.00	4.75	
202	430202	9	HUỲNH ÁI NHƯ	Nữ	09/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.50	3.00	4.00	
203	430203	9	LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	02/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.25	6.25	
204	430204	9	NGUYỄN PHƯƠNG NHƯ	Nữ	09/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.75	3.75	4.25	
205	430205	9	HỒ QUỲNH NHƯ	Nữ	22/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	4.25	4.25	
206	430206	9	LÂM TÂM NHƯ	Nữ	26/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.50	6.75	6.25	
207	430207	9	NGUYỄN THỊ MỸ NHƯ	Nữ	01/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	5.75	4.00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
208	430208	9	ĐÀO THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	05/05/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.75	4.75	
209	430209	9	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	01/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	5.25	2.75	
210	430210	9	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	06/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.25	3.50	
211	430211	9	LÊ VŨ QUỲNH NHƯ	Nữ	18/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	5.00	5.25	
212	430212	9	VÕ KIỂU NI	Nữ	15/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	1.00	3.00	
213	430213	9	BÙI CÔNG NÔNG	Nam	02/11/2009						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.25	1.00	2.50	
214	430214	9	TRẦN THỊ NỖ	Nữ	12/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.00	1.25	2.75	
215	430215	9	TRỊNH TRẦN ÁI NỮ	Nữ	11/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.00	1.25	3.00	
216	430216	9	NGUYỄN ĐÌNH PHÁT	Nam	20/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.00	5.00	4.00	
217	430217	10	TRƯỜNG GIA PHÁT	Nam	20/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.75	3.25	4.25	
218	430218	10	ĐẶNG HUỲNH GIA PHÁT	Nam	26/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.00	2.00	2.50	
219	430219	10	LÊ VĂN PHÁT	Nam	03/06/2009						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.75	1.50	3.25	
220	430220	10	LÊ TRẦN NAM PHONG	Nam	13/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	6.00	7.25	
221	430221	10	NGUYỄN VÕ PHONG	Nam	25/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.50	6.25	5.50	
222	430222	10	TÀNG GIA PHÚ	Nam	24/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	3.25	4.75	
223	430223	10	PHẠM HUỲNH PHÚ	Nam	13/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	4.00	5.00	
224	430224	10	VÕ NGUYỄN HOÀNG PHÚ	Nam	14/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	3.25	2.00	
225	430225	10	HOÀNG PHÚC	Nam	02/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.00	8.50	
226	430226	10	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	02/12/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	3.75	2.75	
227	430227	10	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	Nam	13/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	2.50	5.00	
228	430228	10	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	Nam	08/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	2.25	2.50	
229	430229	10	HUỲNH THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	04/11/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	3.25	3.25	
230	430230	10	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	03/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	8.00	8.00	
231	430231	10	NGUYỄN THỊ HOA PHƯƠNG	Nữ	04/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	3.25	3.50	
232	430232	10	NGUYỄN NGỌC QUANG	Nam	24/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	3.50	4.75	
233	430233	10	TỔNG MẠNH QUÂN	Nam	05/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.25	4.00	7.25	
234	430234	10	HỒ SĨ QUÂN	Nam	04/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.50	5.50	
235	430235	10	NGUYỄN TĂNG MINH QUÂN	Nam	15/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.75	1.00	3.50	
236	430236	10	NGUYỄN LỆ QUYÊN	Nữ	25/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	7.00	5.75	
237	430237	10	NGUYỄN THỊ THÙY QUYÊN	Nữ	25/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	4.50	4.75	
238	430238	10	HỒ TRẦN HOÀNG QUYÊN	Nữ	11/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	4.00	4.25	
239	430239	10	TRẦN TUYẾT QUYÊN	Nữ	19/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	4.25	4.00	
240	430240	10	NGUYỄN PHÚC NHƯ QUỲNH	Nữ	14/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.50	6.25	4.50	
241	430241	11	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	03/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	1.00	2.25	
242	430242	11	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	02/05/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.50	4.00	3.50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
243	430243	11	LÂM THỊ PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	03/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.00	6.50	
244	430244	11	HUỶNH TRẦN SANG	Nam	05/03/2008						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			0.50	0.25	2.50	
245	430245	11	LÊ TUẤN SANG	Nam	27/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.50	8.50	6.50	
246	430246	11	ĐÀO THỊ MỸ SINH	Nữ	29/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.50	3.25	3.50	
247	430247	11	TRƯƠNG TẤN TÀI	Nam	02/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	7.50	4.25	
248	430248	11	TRẦN MINH TÂM	Nam	22/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.00	1.25	2.25	
249	430249	11	LÊ THỊ MỸ TÂM	Nữ	23/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	6.00	4.50	
250	430250	11	VÕ MINH TÂN	Nam	19/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	8.50	8.00	
251	430251	11	NGUYỄN PHAN TẤN	Nam	25/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	3.75	3.00	
252	430252	11	NGUYỄN HOÀI THANH	Nữ	09/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	6.25	5.25	
253	430253	11	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	28/09/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.25	5.50	5.50	
254	430254	11	TRẦN VĂN THÀNH	Nam	12/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.75	5.25	3.25	
255	430255	11	NGUYỄN QUỐC THÁI	Nam	25/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	1.50	2.75	
256	430256	11	PHAN NGUYỄN NGỌC THẠCH	Nam	26/05/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	6.50	6.25	
257	430257	11	HUỶNH LƯU PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.50	5.50	4.00	
258	430258	11	ĐOÀN MINH VIỆT THẢO	Nam	20/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	6.25	4.25	
259	430259	11	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	6.00	5.50	
260	430260	11	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	22/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	1.00	3.25	
261	430261	11	NGUYỄN HỮU THẮNG	Nam	03/02/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.50	5.75	3.75	
262	430262	11	CAO MINH THẮNG	Nam	15/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.25	6.50	5.25	
263	430263	11	NGUYỄN QUỐC THẮNG	Nam	16/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	6.50	4.00	
264	430264	11	LƯU TRẦN QUỐC THẮNG	Nam	25/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.25	6.00	4.00	
265	430265	12	TRẦN XUÂN THẮNG	Nam	22/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	3.75	4.75	
266	430266	12	ĐỖ KHÁNH THI	Nữ	09/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	2.00	4.50	
267	430267	12	NGUYỄN HỮU THIÊN	Nam	03/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm				6.25	5.75	6.50	
268	430268	12	VÕ THÀNH THIÊN	Nam	19/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.50	4.75	3.50	
269	430269	12	ĐỖ ĐỨC THỊNH	Nam	11/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	6.00	5.75	
270	430270	12	BÙI HUỶNH PHÚC THỊNH	Nam	28/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.75	4.00	5.75	
271	430271	12	NGUYỄN LÊ QUỐC THỊNH	Nam	12/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.75	6.50	6.75	
272	430272	12	NGUYỄN VIỆT THỊNH	Nam	23/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.25	9.25	
273	430273	12	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	Nữ	03/07/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	4.75	5.50	
274	430274	12	TRẦN BÍCH THÙY	Nữ	28/01/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	2.50	2.75	
275	430275	12	NGUYỄN TIẾT THANH THÚY	Nữ	23/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	4.75	4.00	
276	430276	12	VŨ ANH THƯ	Nữ	07/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	6.75	6.00	
277	430277	12	VŨ PHẠM ANH THƯ	Nữ	18/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.25	0.50	5.50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
278	430278	12	PHẠM THỊ ANH	THƯ	Nữ	12/11/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	7.00	3.75	
279	430279	12	VÕ THỊ SONG	THƯ	Nữ	26/04/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.50	6.75	8.50	
280	430280	12	ĐÀO HOÀI	THƯỜNG	Nữ	27/03/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.50	8.75	
281	430281	12	VÕ KIỀU	THƯỜNG	Nữ	21/08/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.25	6.75	9.75	
282	430282	12	TRẦN MINH	THƯỜNG	Nữ	27/05/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	5.00	5.75	
283	430283	12	LÊ THỊ HOÀI	THƯỜNG	Nữ	19/09/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.25	3.75	6.25	
284	430284	12	TRẦN KIỀU	THY	Nữ	18/04/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	4.00	2.75	
285	430285	12	TRẦN THỦY	TIỀN	Nữ	19/11/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	5.25	4.25	
286	430286	12	NGUYỄN THỊ	TIỀN	Nữ	24/11/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	6.50	5.00	
287	430287	12	TRƯƠNG THỊ NHƯ	TIỀN	Nữ	22/02/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	6.00	5.75	
288	430288	12	HUỲNH CÔNG	TIẾN	Nam	12/03/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	4.75	5.00	
289	430289	13	LÊ QUANG	TIẾN	Nam	07/11/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	4.50	3.50	
290	430290	13	PHAN BẢO	TIỆP	Nam	09/11/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	1.50	5.50	
291	430291	13	TRẦN THỊ TÂM	TÌNH	Nữ	14/05/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	5.25	5.75	
292	430292	13	LÊ VÕ THANH	TOÀN	Nam	28/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			3.75	5.75	6.25	
293	430293	13	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	Nữ	26/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.75	2.50	4.25	
294	430294	13	ĐẶNG MINH	TRIẾT	Nam	06/01/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	0.00	3.25	
295	430295	13	HỒ MINH	TRIẾT	Nam	14/01/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.50	2.50	4.00	
296	430296	13	BÙI QUỐC	TRIỆU	Nam	11/07/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	1.25	3.25	
297	430297	13	NGUYỄN HUỲNH KIỀU	TRINH	Nữ	24/12/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	5.25	6.00	
298	430298	13	PHẠM KIỀU	TRINH	Nữ	20/02/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	7.25	5.25	
299	430299	13	LÊ PHẠM MAI	TRINH	Nữ	05/04/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	6.50	5.00	
300	430300	13	NGÔ TRẦN THẢO	TRINH	Nữ	26/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	6.50	5.00	
301	430301	13	TRẦN MINH	TRÍ	Nam	03/12/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	5.25	3.25	
302	430302	13	HỮU QUỐC	TRÍ	Nam	31/07/2010	1.0				Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	5.00	6.25	
303	430303	13	BÙI VIỆT ĐỨC	TRÍ	Nam	27/02/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	5.25	6.75	
304	430304	13	NGUYỄN THANH	TRỌNG	Nam	23/03/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.50	0.00	3.50	
305	430305	13	LÊ ĐỨC	TRUNG	Nam	03/08/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.50	7.25	5.00	
306	430306	13	TRẦN QUANG	TRUNG	Nam	21/01/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	0.25	3.25	
307	430307	13	TRƯƠNG ÁNH	TRÚC	Nữ	03/06/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	5.75	6.00	
308	430308	13	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	02/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	5.00	6.00	
309	430309	13	NGUYỄN TRẦN THỦY	TRÚC	Nữ	01/01/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.00	6.75	6.00	
310	430310	13	TRƯƠNG PHẠM MINH	TRƯỜNG	Nam	28/02/2010					Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.25	3.25	2.75	
311	430311	13	LÊ XUÂN	TRƯỜNG	Nam	07/08/2010					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.00	3.25	6.00	
312	430312	13	HỒ LƯU	TRỰC	Nam	11/04/2009					Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.25	3.25	3.25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
313	430313	14	TRẦN PHẠM MINH TUẤN	Nam	02/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	1.00	2.25	
314	430314	14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Nam	09/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.25	2.25	2.75	
315	430315	14	TRỊNH THANH THANH TUYỀN	Nữ	11/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.50	3.75	7.00	
316	430316	14	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	01/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.00	0.75	3.75	
317	430317	14	ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	07/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.50	2.75	4.00	
318	430318	14	NGUYỄN CHÂU HỮU TY	Nam	21/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.50	4.50	3.25	
319	430319	14	NGÔ KIỀU UYÊN	Nữ	31/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	1.00	4.25	
320	430320	14	ĐẶNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	04/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	7.50	4.25	
321	430321	14	ĐẶNG MAI HÀ VÂN	Nữ	12/06/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	5.75	7.75	
322	430322	14	VÕ NGỌC KHÁNH VÂN	Nữ	10/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.00	5.25	2.75	
323	430323	14	PHÙNG THANH VÂN	Nữ	18/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	7.00	7.00	
324	430324	14	HỒ ANH VÂN	Nam	01/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			6.25	5.00	2.50	
325	430325	14	NGUYỄN HỒ HÀ VI	Nữ	13/01/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.25	4.50	5.00	
326	430326	14	LÊ PHƯƠNG VI	Nữ	04/09/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	5.50	7.00	
327	430327	14	HUYỀN QUỐC VIỆT	Nam	21/02/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.25	3.75	5.75	
328	430328	14	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	16/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.25	3.50	5.25	
329	430329	14	LÊ HOÀNG VINH	Nam	27/03/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.00	4.00	8.00	
330	430330	14	ĐẶNG THÀNH VINH	Nam	04/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			4.75	4.75	3.25	
331	430331	14	NGUYỄN GIA VĨ	Nam	20/06/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			3.50	2.50	4.50	
332	430332	14	PHAN NGỌC VĨ	Nam	20/10/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			2.75	3.75	2.00	
333	430333	14	LÊ ANH VŨ	Nam	03/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			4.00	5.50	4.25	
334	430334	14	MAI HOÀNG VŨ	Nam	08/03/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	5.25	6.00	
335	430335	14	HUYỀN PHAN NGUYỄN VŨ	Nam	02/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			1.50	4.25	2.00	
336	430336	14	TRẦN QUANG VŨ	Nam	11/09/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	4.25	4.75	
337	430337	15	QUÁCH THIÊN VŨ	Nam	31/10/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	6.75	4.25	
338	430338	15	ĐỖ TRƯỜNG VŨ	Nam	08/12/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.75	4.75	4.25	
339	430339	15	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG VY	Nữ	28/07/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			5.00	1.25	5.50	
340	430340	15	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	03/08/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.25	6.00	4.50	
341	430341	15	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	20/08/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.25	5.75	
342	430342	15	NGUYỄN THỊ YẾN VY	Nữ	07/04/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	4.50	4.50	
343	430343	15	PHẠM TƯỜNG VY	Nữ	23/12/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	7.00	7.50	
344	430344	15	VÕ NHẬT VỸ	Nam	11/04/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			5.50	1.25	1.50	
345	430345	15	LÊ QUỐC VỸ	Nam	18/05/2010						Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	6.50	5.50	
346	430346	15	BÙI NHƯ Ý	Nữ	22/11/2010						Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.25	6.75	8.25	

NGƯỜI IN BẢNG ĐIỂM
(Họ tên và ký)


Trần Xuân Hoàng

NGƯỜI ĐỌC SOÁT BẢN IN
(Họ tên và ký)


Phan Thanh Liêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


Võ Ngọc Sỹ

